

nhiều hơn là được trân trọng lắng nghe và đánh giá đúng mức. Nhưng là sĩ phu đầy tâm huyết đối với đất nước, với quan niệm "hưng lợi khủ hại", ông sẵn sàng chấp nhận tất cả mọi hậu quả có thể xảy ra miễn nói lên được tiếng nói chân lý và chính nghĩa của một trái tim yêu nước nồng nàn và từ một khối óc đã nhận thức được THỜI và THẾ trong một giai đoạn đặc biệt của lịch sử dân tộc.

Sự dũng cảm của ông đã thể hiện ngay trong bản điều trần về vấn đề tín ngưỡng tôn giáo dâng lên nhà vua vào ngày 29-3-1863. Đó là một vấn đề thời sự gây go nhất đã làm chầy máu và roi dẫu biết bao nhiêu người, làm cho quan hệ Việt-Pháp ngày càng trở nên xấu hơn và là cái cớ để thực dân Pháp và Y Pha Nho xâm lược nước ta. Dù thế, ông vẫn thẳng thắn gọi điều trần về triều đình, nêu lên các lý lẽ để cho dân nước được tự do tín ngưỡng. Nếu bọn triều thần muốn lợi dụng bản điều trần này để ghép tội ông thì cũng không phải là một việc khó đối với họ. Không phải ông không biết điều đó, nhưng sự kiện bị thảm xung quanh vấn đề tín ngưỡng này đã thôi thúc ông phải lên tiếng, dù tính mệnh có thể bị đe dọa bởi những xuyên tạc và vu khống của triều đình.

Ông cũng tỏ ra là một người cực kỳ kiên nhẫn. Liên tiếp trong gần mười năm trời, ông dâng hết bản điều trần này đến bản điều trần khác, dẫu bị triều đình bác bỏ, ông vẫn cặm cùi, kiên nhẫn gọi các bản điều trần khác, thậm chí cả khi nằm trên giường bệnh gần đất xa trời rồi mà vẫn viết điều trần, thông thiết kêu gọi nhà vua hãy mau mau tỉnh ngộ... Lòng kiên nhẫn và sự dũng cảm của ông thật đáng cho chúng ta khâm phục...

Với một cái học bác học, một tâm hồn xa thẳm suốt bốn cõi và ba thời, một thái độ và nhân cách thật đáng quý, Nguyễn Trường Tộ quả thực là một tấm gương tuyệt đẹp của giới sĩ phu Việt Nam mà hậu thế chúng ta có quyền ca tụng và tự hào.

Có lẽ BÀI HỌC LỚN NHẤT rút ra từ trường hợp Nguyễn Trường Tộ là dùng bao giờ chúng ta lại để lỡ chuyến tàu lịch sử một lần nữa. Mơ ước của Nguyễn Trường Tộ về một nước Việt Nam phú cường, văn minh, hòa nhập với những tiến bộ của thời đại là mơ ước chung của tất cả mọi người Việt Nam.

Hãy để cho đất nước có thật nhiều Nguyễn Trường Tộ, những Nguyễn Trường Tộ của thế kỷ 20 sắp bước vào thế kỷ 21, và chỉ khi nào số phận của đất nước mỉm cười với những Nguyễn Trường Tộ của ngày hôm nay chúng ta mới có quyền hy vọng một "ngày mai ca hát" của dân tộc, cái ngày mà cảnh nghèo nàn, lạc hậu không còn là nỗi ray rứt khủng khiếp, một nỗi quốc nhục của tất cả mọi người Việt Nam.

Phải chăng chúng ta có quyền hy vọng vào một ngày mai tươi sáng đó của dân tộc?

CT.

KHU CHẾ XUẤT : MỘT LOẠI HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐẢM BẢO NHIỀU TRIỂN VỌNG TỐT ĐẸP

ĐỖ HẢI MINH

Trong nỗ lực công nghiệp hoá để phát triển kinh tế, các nước đang phát triển đều có chủ trương chính sách thu hút đầu tư nước ngoài thể hiện qua luật lệ đầu tư nước ngoài, dành cho các nhà đầu tư nước ngoài những ưu đãi cần thiết về các mặt thuế khoá, về việc chuyển lợi nhuận về nước, về bảo đảm không quốc hữu hoá v.v..., nói tóm lại là những biện pháp khiến doanh nhân nước ngoài an tâm và thấy có lợi để mang vốn, quy trình công nghệ tiên tiến, các bí quyết (know how), cách làm cần thiết vào góp phần đẩy mạnh sản xuất trong nước, tăng thu ngoại tệ...

Nhưng thực tế thường cho thấy việc ban hành luật lệ đầu tư nước ngoài dù nội dung có thoả đáng đến mức nào chăng nữa cũng vẫn còn một số ứ chế khi áp dụng trên toàn thể lãnh thổ của một nước, do những nguyên nhân phức tạp, chủ yếu là những mặt hạn chế tại các nước đang phát triển, trong thông tin, sự thiếu chính xác trong số liệu thống kê được phổ biến, sự thiếu quan tâm hình thành hoặc hình thành không đáp ứng được nhu cầu thật sự của doanh nhân nước ngoài, khiến phí phạm quá nhiều thời gian tiếp xúc thăm dò rất dễ làm nản lòng các nhà đầu tư nước ngoài. Đó là không kể các yếu kém về hạ tầng cơ sở giao thông, tiện ích công cộng, điện nước, v.v..., nhất là diện không phải chỉ về lượng mà còn về chất lượng tức phải đảm bảo không mất điện và điện thế phải ổn định, nhất là đối với các ngành sản xuất điện tử tinh vi...

Những yếu kém kể trên có thể được cải thiện đến mức có thể đáp ứng được, nhu cầu của các doanh nhân nước ngoài tại các nước đang phát triển bằng biện pháp đóng khung trong một phạm vi diện tích đất đai thu hẹp nhất định từ vài chục đến vài trăm hecta mà thôi, hình thành một mô hình phát triển kinh tế được phổ biến ngày nay, được gọi là khu chế xuất (Export processing zone).

Đó là một khu đất tương đối nhỏ, cách biệt (thường bằng tường rào kiên cố) với phần lãnh thổ chung của một nước, được thiết lập nhằm mục đích thu hút các

công nghiệp định hướng xuất khẩu bằng những biện pháp đặc biệt ưu đãi đầu tư so với cả nước, kể cả các điều kiện mậu dịch, xuất nhập khẩu. Đặc biệt, khu chế xuất cho phép doanh nhân được nhập khẩu vật tư nguyên liệu để phục vụ sản xuất các mặt hàng tái xuất khẩu, không phải đóng thuế. Các doanh nhân được ưu đãi ở đây chủ yếu là các doanh nhân nước ngoài từ các nước công nghiệp phát triển, có điều kiện mang vốn, thiết bị, chuyển giao công nghệ v.v... tác động gây hiệu ứng dây chuyền, thúc đẩy nền công nghiệp còn non trẻ trong nước, đồng thời tạo thêm công ăn việc làm, đào tạo và nâng cao tay nghề cho lao động địa phương.

Trong một số khu chế xuất, người dân hoặc các đơn vị kinh tế trong nước chỉ được khuyến khích liên doanh với doanh nhân nước ngoài thay vì đầu tư riêng lẻ vào khu chế xuất.

Tuy dùng từ "chế xuất" tức chỉ liên hệ đến hoạt động sản xuất chế tạo, trên thực tế mô hình "khu chế xuất" ngày nay trong quá trình phát triển là biến thể của cảng tự do (free port) và các khu mậu dịch tự do (free trade zone). Theo tài liệu của Tổ chức phát triển công nghiệp Liên Hiệp Quốc (UNIDO) (1) thì Hiệp hội Khu chế xuất thế giới (World Export Processing Zone Association) đã định nghĩa khu chế xuất theo nghĩa rộng, bao gồm "tất cả khu vực được chính phủ cho phép thành lập như cảng tự do, khu mậu dịch tự do, khu ngoại quan, khu công nghiệp tự do, khu mậu dịch nước ngoài, v.v..."

Cảng tự do là những cảng áp dụng quy chế, thuế quan độc lập; tàu bè, các nguồn hàng hoá và vốn đầu tư nước ngoài được mang vào và đem ra một cách tự do không phải đóng thuế; chỉ khi nào chuyển vào nội địa mới phải đóng thuế. Từ năm 1229, hải cảng Marseille (Pháp) đã lập khu đặc biệt miễn thuế như trên nhưng cảng tự do đầu tiên được chính thức gọi như vậy là cảng Reggio ở Ý.

Tại Panama có cảng Colón là cảng mậu dịch quốc tế tự do (free international trade zone) khuyến khích doanh nhân nước ngoài đầu tư, đạt thành quả đáng kể trong công nghiệp chế biến.

Các khu mậu dịch tự do thường là những khu vực gần cảng để tiện vận chuyển hàng; hàng hoá từ bất kỳ nước nào cũng có thể mang vào, đem ra một cách tự do, chỉ hải kiểm soát về y tế, an toàn hoặc an ninh công cộng, không phải chịu thuế quan. Khu mậu dịch tự do đầu tiên được thiết lập tại New York (Hoa Kỳ) vào năm 1937.

Các khu kho quá cảng (bonded warehouses) là mô hình gần gũi với ý niệm hàng tự do; hàng hoá, vật tư, nguyên liệu được đưa vào để tái xuất ra ngoài nước không phải đóng thuế và chỉ được nhập vào nội địa khi có giấy phép nhập khẩu và sau khi đóng thuế. Mô hình này được áp dụng tại Mexico, Malaysia và vừa qua, Indonesia đã thiết lập thêm khu kho quá cảng loại này.

Tại các khu kho quá cảng, người ta có thể tổ chức lắp ráp đơn giản, đóng gói bao bì để làm ra sản phẩm hoàn chỉnh tái xuất khẩu.

Các đặc khu kinh tế (special economic zones) là mô hình nổi bật được áp dụng ở Trung Quốc. Từ năm 1980, nhằm thu hút vốn và kỹ thuật nước ngoài, lấy mạnh công cuộc hiện đại hoá đất nước, Trung Quốc đã sử dụng một diện tích khoảng 500 Km² thuộc Thẩm Quyển, Sơn Đầu, Chu Hải, tỉnh Quảng Đông và Hạ Môn, tỉnh Phúc Kiến, thành lập các đặc khu kinh tế, dành cho các nhà đầu tư nước ngoài những điều kiện ưu đãi về thuế, về giá đất, về lao động. Đến năm 1983, Trung Quốc đã mở cửa 14 thành phố duyên hải để thu hút đầu tư nước ngoài góp phần phát triển kinh tế vùng này trước, làm bàn đạp đi lần vào công cuộc phát triển nội địa, gọi là mở rộng theo dốc nghiêng từ Đông sang Tây.

Qua những sự kiện trình bày trên, các mô hình phát triển kinh tế thu hút đầu tư nước ngoài đã được áp dụng tùy hoàn cảnh và điều kiện đặc thù cùng chính sách và chủ trương của mỗi nước.

Riêng về mô hình khu chế xuất theo nghĩa hẹp là khu tự do, hoạt động chế biến hàng hoá công nghiệp để xuất khẩu, là loại hình phát triển kinh tế bắt đầu từ giữa thập niên 1950 với việc thành lập khu chế xuất Shannon (Ireland) lần đầu tiên mở ra cửa hàng miễn thuế (duty free shop) dành cho du khách quá cảnh, miễn thuế nhập khẩu, giảm thiểu thủ tục hành chính rườm rà, mở đường tiếp đón các nhà đầu tư vào Ireland góp phần công nghiệp hoá nền kinh tế.

Sau Ireland, Puerto Rico đã lập khu chế xuất để xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ để rồi từ đó, mô hình được đưa sang Đài Loan rồi Nam Triều Tiên và các nước khác ở Châu Á và Châu Mỹ la-tinh.

Thành công của Đài Loan với khu chế xuất Cao Hùng (Kaohsiung) là một thành công rực rỡ điển hình. Cao Hùng là một trong hai hải cảng quan trọng nhất của Đài Loan; khu chế xuất được thành lập trên một diện tích rộng 69 hecta vào giữa năm 1965 với mục tiêu:

- đẩy mạnh phát triển công nghiệp xuất khẩu;
- thu hút đầu tư nước ngoài và trong nước;
- tạo công ăn việc làm cho nhân dân;
- du nhập kỹ thuật sản xuất tân tiến.

Không đầy 3 năm sau, khu chế xuất Cao Hùng hết chỗ, phải mở thêm vào năm 1969 khu chế xuất Nantze rộng 90 hecta và Tai Chung, 25 hecta. Cần nhấn mạnh quy mô diện tích của 3 khu chế xuất, khu lớn nhất chỉ 90 hecta, phù hợp với tiềm năng phát triển của Đài Loan thời bấy giờ. Nhưng về thành quả thì chỉ riêng năm 1974, cả 3 khu chế xuất đã xuất khẩu được trên 511 triệu đô-la Mỹ, tính vào khoảng 1/9 kim ngạch xuất khẩu toàn Đài Loan, thu hút 291 xí nghiệp với tổng kim ngạch trên 1.556 triệu đô-la Mỹ.

Thành công rực rỡ của khu chế xuất Đài Loan về cơ bản là nhờ thu hút được sự tham gia đầu tư bước đầu của các Hoa Kiều ở nước ngoài, cho thấy sự hưởng ứng tích cực của doanh nhân nước ngoài là một yếu tố quyết định.

Về phương diện quản trị điều hành, các khu chế xuất, do quy mô vốn đầu tư, do vai trò chủ yếu của lãnh vực quản lý nhà nước về chính sách, chủ trương tiếp nhận các ngành công nghiệp thích hợp với mục tiêu phát triển kinh tế cả nước, về nhu cầu kiểm soát thuế quan, v.v... nhất thiết phải do nhà nước đứng ra thành lập, tạo điều kiện quy tụ vào một đầu mối ngay tại khu chế xuất cơ cấu tổ chức và điều hành các ngành quản lý nhà nước về thủ tục đầu tư, lao động, ngân hàng, công an, hải quan..., triệt để áp dụng phương thức điều hành bên nhạy linh hoạt, tác phong công nghiệp, xem trọng thời giờ... thì mới tạo được sức thu hút, hấp dẫn các doanh nhân nước ngoài.

Gánh nặng quan trọng nhất của nhà nước chủ nhà chính là gánh nặng phải xây dựng hạ tầng cơ sở thích hợp với đầy đủ tiện nghi, tiện ích công cộng, đảm bảo đường sá ra vào khu, thông tin liên lạc đầy đủ, dịch vụ ngân hàng nhanh gọn, điện nước cung ứng liên tục v.v... Và các doanh nhân khi vào khu chế xuất hoặc chỉ cần chọn thửa đất thích hợp tự mình xây dựng, hoặc thuê cơ cấu bao che có sẵn và chỉ mang thiết bị vào lắp ráp là có thể khởi công đi vào sản xuất được.

Xét lợi ích của khu chế xuất, tuy nhiên, cần chú trọng phân tích tiềm năng lợi ích lâu dài hơn là tác động ngắn kỳ đối với nền kinh tế. Muốn vậy, nhất thiết phải chú trọng tạo điều kiện hội nhập lâu bền khu chế xuất với phần còn lại của nền kinh tế đất nước.

Mặc dù khu chế xuất phải cách biệt bằng tường rào với các vùng lân cận để tiện tổ chức quản trị theo quy chế, chế độ thích hợp, hoạt động của các xí nghiệp khu chế xuất không thể chỉ đóng khung trong vòng rào khép kín đó. Thật vậy, các xí nghiệp này còn tạo ra những hiệu ứng dây chuyền trực tiếp ảnh hưởng đến các cơ sở sản xuất trong nước bên ngoài khu chế xuất qua các giao dịch chủ yếu trong sản xuất, cụ thể là:

1) Mua các vật tư, nguyên liệu xét thấy rẻ hơn so với nhập khẩu từ nước ngoài. Các vật tư nguyên liệu chuyển vào khu chế xuất - bình thường chưa chắc tiếp cận được với khách hàng tiêu thụ dễ dàng, nay được xem như xuất khẩu, phải đóng thuế xuất khẩu cho nhà nước, tạo thành một thị trường tiêu thụ ổn định nằm sát cạnh không phải tốn công tổ chức tiếp thị.

2) Tổ chức gia công bán thành phẩm hoặc thực hiện các khâu đơn giản theo phương thức cung ứng một phần hoặc toàn bộ vật tư nguyên liệu để nhận lại bán thành phẩm. Do đó, mỗi xí nghiệp trong khu chế xuất sẽ hình thành một mạng lưới cơ sở sản xuất yểm trợ trong nước và đương nhiên, các cơ sở sản xuất này sẽ phải cố gắng vươn lên để luôn luôn đạt chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu quốc tế của xí nghiệp trong khu chế xuất. Đây là một tác động vô cùng quan trọng của khu chế xuất đối với nền kinh tế trong nước, nó thúc đẩy phát triển một số ngành hoạt động kinh tế có liên quan bên ngoài khu chế xuất. Và như vậy, tùy theo ngành công nghiệp, mỗi xí nghiệp trong khu chế xuất sẽ nuôi sống một số cơ sở sản xuất trong nước.

Mỗi điểm lợi, dĩ nhiên đều có những mặt trái của nó. Do đó, cần có những biện pháp quản trị, kiểm soát chặt chẽ đi kèm, ngăn chặn mọi hành vi lạm dụng cơ hội để chuyển nguyên liệu vào bán trong nước không qua thủ tục giấy phép nhập khẩu.

Có như vậy, khu chế xuất mới có thể là loại hình phát triển kinh tế đảm bảo nhiều triển vọng như dự trù.

ĐIỂM.

Kỳ sau: KHU CHẾ XUẤT TÂN THUAN (TP. HỒ CHÍ MINH)

(1) UNIDO DOCUMENT ID/WG 226/6, 28 tháng 2 năm 1978